

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2023/DSST
Ngày 17-8-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Tấn Tiên;
2. Bà Lâm Thị Tươi.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, thư ký
Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia
phiên tòa: Ông Võ Công Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dương
Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
333/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2023/QĐXX ngày 26
tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1951; nơi cư trú: Ấp B 2, xã
Phước Minh, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Bà **Lê Ngọc T**, sinh năm 1983; có mặt.

Ông Lê Tuấn Th, sinh năm 1974; vắng mặt.

Anh Lê TT, sinh năm 2004; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp B2, xã PM, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây
Ninh.

NHẬN THẤY:

Bà Nguyễn Thị X trình bày:

Từ năm 2020-2022 bà T có vay tiền của bà nhiều lần, mục đích để thuê
vườn cao su thanh lý, mua đất... Mỗi lần bà T vay tiền đều tự viết giấy nhận
nợ đưa cho bà. Sau khi vay tiền, bà T hẹn trả nhiều lần nhưng không trả
được. Vào ngày 10-12-2022 bà và bà T chốt nợ, bà T nợ bà tổng cộng
1.000.000.000 đồng, chốt nợ xong bà T làm giấy nợ, có bà T, anh TT cùng ký
tên. Tuy giấy nợ không có chồng bà T ký tên, nhưng ông Th biết việc bà T,

anh TT vay tiền của bà. Số tiền 1.000.000.000 đồng này là tiền gốc, không có lãi. Khi chốt nợ hai bên không thỏa thuận cụ thể tiền lãi nhưng bà T hứa sẽ phụ tiền lãi 40.000.000 đồng/01 tháng; thực tế từ ngày 10-12-2022 đến nay bà T chỉ phụ lãi cho bà tổng cộng 33.000.000 đồng, không trả được khoản gốc nào.

Nay bà khởi kiện yêu cầu: Yêu cầu bà Lê Ngọc T, ông Lê Tuấn Th, ông Lê TT trả số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Bà không yêu cầu tính lãi.

Bà Lê Ngọc T trình bày:

Bà thừa nhận lời khai của bà X về việc bà có vay tiền, sau đó chốt nợ ngày 10-12-2022 với số tiền 1.000.000.000 đồng là đúng. Trong số tiền này tiền lãi khoảng 200.000.000 đồng, nhưng bà không có chứng cứ. Mục đích bà vay tiền của bà T để thuê vườn cao su thanh lý, nhưng do mủ cao su xuống giá nên bị lỗ, cộng thêm bị dịch Covid giãn cách nhiều lần nên không làm ăn được. Tiền thuê vườn cao su là từ tiền bà vay của bà X. Nghề nghiệp của bà và ông Th là thuê vườn cây cao su thanh lý cạo mủ để có tiền sinh hoạt trong nhà; hiện nay không có tiền thuê vườn nên chỉ cạo mủ cho người khác. Trong khoản vay 1.000.000.000 đồng của bà X, thì trong đó có khoảng hơn 100.000.000 đồng bà có nói mục đích vay là để mua đất của ông Tr, nhưng thực tế bà không đủ tiền mua đất nên không mua... Sau khi chốt nợ bà có hứa phụ lãi cho bà X nhưng không thực hiện theo cam kết được, đến nay bà chỉ phụ lãi được 33.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lại tiền lãi, đồng ý bà X không yêu cầu tính lãi.

Giấy chốt nợ ngày 10-12-2022 có bà và con Lê TT cùng ký tên, giấy nợ do bà viết. Tuy tại giấy nợ có TT ký tên nhưng vì thương bà nên mới ký tên, thực tế không biết gì về nợ hết. Do bà sợ chồng ông Th mắng chửi nên các khoản vay bà X, bà cũng không nói với ông Th, ông Th cũng hoàn toàn không biết nợ. Nay bà đồng ý trả cho bà X số tiền 1.000.000.000 đồng. Đây là nợ riêng của bà, bà đồng ý một mình trả 1.000.000.000 đồng cho bà X.

Ông Lê Tuấn Th trình bày:

Ông không biết gì về khoản nợ 1.000.000.000 đồng mà bà T đã vay của bà X, ông chỉ biết đi làm rồi giao lại tiền cho bà T quán xuyên trong nhà. Khoản nợ 1.000.000.000 đồng là nợ riêng của bà T, một mình bà T có trách nhiệm trả nợ cho bà X. Tại giấy nợ chốt ngày 10-12-2022 tuy có con TT ký tên nhưng TT không biết gì về khoản nợ này, TT chỉ ký tên như người làm chứng mà thôi. Ý kiến của ông đề nghị Tòa án không buộc TT cùng bà T trả nợ cho bà X.

Anh Lê TT trình bày:

Anh không biết việc bà T vay tiền bà X. Vào ngày 10-12-2022 khi anh đang ở nhà thì bà X, bà T điện thoại yêu cầu anh đến nhà bà X. Bà X, bà T nói anh ký vào giấy nợ, anh thương mẹ nên ký tên chứ anh không biết gì về khoản nợ này. Đây là nợ riêng của bà T, anh không đồng ý cùng bà T trả nợ cho bà X.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà X đối với bà T, anh TT và ông Th về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà T, ông Th, anh TT có trách nhiệm liên đới trả cho bà X số tiền vay 1.000.000.000 đồng. Ghi nhận bà X không yêu cầu tính lãi

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Th, anh TT có đơn xin vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà T thừa nhận có vay tiền của bà X nhiều lần nhưng không trả được, vì vậy vào ngày 10-12-2022 bà có chốt nợ với bà X với số tiền 1.000.000.000 đồng là đúng, đây nợ riêng của bà; bà T tự nguyện một mình trả bà X 1.000.000.000 đồng. Ông Th và anh TT không biết, không liên quan nợ. Xét thấy, bà T vay tiền của bà X nhiều lần trong thời gian dài từ năm 2020-2022. Tại phiên tòa, bà thừa nhận tiền vay của bà X sử dụng để mua vườn cây cao su thanh lý, bà và ông Th cùng khai thác vườn cao su lấy tiền, đây là thu nhập chính của vợ chồng bà. Thu nhập từ vườn cao su thuê đều nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Ông TT biết bà vay tiền thuê vườn cao su nhưng ông giao bà toàn quyền lo liệu nên không biết nợ ai, nợ bao nhiêu. Như vậy, việc bà T vay tiền bà X nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, ông Th có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ cho bà X theo khoản 1, 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về yêu cầu liên đới trả nợ của anh TT:

Thấy rằng, vào ngày 10-12-2022 anh TT đồng ý cùng bà T ký tên nhận nợ với bà X số tiền 1.000.000 đồng. Việc anh TT ký tên nhận nợ là tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Do đó, yêu cầu của bà X về việc buộc anh TT cùng bà T, ông Th trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016:

Ông Th, bà T, anh TT phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà X được Tòa án chấp nhận: $36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times (1.000.000.000 - 800.000.000 \text{ đồng})) = 42.000.000 \text{ đồng}$.

Bà X không phải chịu, thuộc đối tượng miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với bà Lê Ngọc T, ông Lê Tuấn Th, anh Lê TT về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị X không yêu cầu tính lãi.

1.1. Buộc bà Lê Ngọc T, ông Lê Tuấn Th, anh Lê TT liên đới trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 1.000.000.000 (*một tỷ*) đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị X thuộc đối tượng miễn án phí.

2.2. Bà Lê Ngọc T, ông Lê Tuấn Th, anh Lê TT phải chịu 42.000.000 đồng (*bốn mươi hai triệu*) đồng.

3. “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- CC THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TẠ THỊ HẠ